

CÔNG TY CỔ PHẦN P&A HOLDING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN P&A HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: P&A HOLDING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: P&A HOLDING.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108515251

3. Ngày thành lập: 16/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, ngách 69, ngõ 345, đường Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869136656

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các sàn nhảy; - Hoạt động của các phòng hát karaoke.	9329
2.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
3.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Trừ hợp báo.	8230
5.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
6.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
7.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7912
8.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản.	6820
11.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
12.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Trừ chương trình truyền hình.	5913
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
14.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
16.	Cơ sở lưu trú khác	5590
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
18.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Trừ vàng.	4789
19.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm dược phẩm và dụng cụ y tế.	4649
27.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
28.	Bán buôn đồ uống	4633
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
31.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

35.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
36.	Bán mô tô, xe máy	4541
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
45.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ vàng.	4662
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
50.	Bán buôn thực phẩm	4632
51.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá.	4610
53.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Sản xuất điện Chi tiết: Kinh doanh hoạt động phát điện.	3511
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
58.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
61.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
62.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
66.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

67.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
69.	Sản xuất giày, dép	1520
70.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
71.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
75.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
76.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành.	7911
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Quảng cáo	7310
79.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Trừ chương trình truyền hình.	5911
80.	Xuất bản phần mềm	5820
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.	5510
82.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
83.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
85.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ vàng.	4773
86.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Không bao gồm dược phẩm, dụng cụ y tế.	4772
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
89.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
90.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
91.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
92.	Phá dỡ	4311
93.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

94.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
95.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
96.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
97.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
98.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
99.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
100.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
101.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
103.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
106.	Xây dựng nhà không để ở	4102
107.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
108.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
109.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
110.	Đúc sắt, thép	2431
111.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
112.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
113.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
114.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
115.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
116.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
117.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
118.	Trồng cây hàng năm khác	0119
119.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
120.	Trồng cây mía	0114
121.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
122.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
123.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
124.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
125.	Xây dựng công trình thủy	4291
126.	Xây dựng nhà để ở	4101
127.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
128.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
129.	Trồng cây lâu năm khác	0129
130.	Trồng cây ăn quả	0121

131.	Trồng lúa	0111
132.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua bán nhà, công trình xây dựng; - Cho thuê nhà, công trình xây dựng; - Cho thuê mua nhà, công trình xây dựng; - Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; - Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản; - Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai.	6810(Chính)
133.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
134.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY LUẬT TNHH P&A	P3710 V2 Chung cư Văn Phú Victoria, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000		
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		
2	VŨ KHẮC THU	Xóm Chùa 2, Xã Đắc Sơn, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	50,000	090825509	
			Tổng số	5.000.000	50.000.000.000	50,000		

3	TẠ HỒNG PHONG	Thôn Yên Trung, Xã Tiên Phong, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	40,000	090818316	
			Tổng số	4.000.000	40.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ KHẮC THU** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *13/05/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *090825509*
 Ngày cấp: *28/11/2014* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Nguyên*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Chùa 2, Xã Đắc Sơn, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *P2401 V4, Chung cư Home city 177 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội